

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVCSPT ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
MÃ SỐ: 7340201
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH ỨNG DỤNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính ứng dụng là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, hướng tới chuẩn kỹ năng nghề nghiệp quốc tế; có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm với xã hội, ý thức phụng sự cộng đồng; có kiến thức nền tảng về pháp luật, kinh tế, kế toán, tài chính ngân hàng; có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành tài chính. Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, có năng lực phân tích, trực quan hóa dữ liệu tài chính và sử dụng các công cụ phân tích hiện đại. Có khả năng thích ứng đa dạng với nhiều vị trí việc làm liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình cử nhân Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính ứng dụng hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

+ **PEO 1:** Người học có tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức và tuân thủ pháp luật. Người học có sức khỏe, trách nhiệm với xã hội, và ý thức phụng sự cộng đồng.

+ **PEO 2:** Người học có kiến thức nền tảng về pháp luật, kinh tế, kế toán.

+ **PEO 3:** Người học có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành tài chính ứng dụng, hướng tới chuẩn kỹ năng nghề nghiệp quốc tế.

+ **PEO 4:** Người học có phương pháp luận khoa học, sử dụng thành thạo công cụ kỹ thuật và các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, có khả năng thích ứng linh hoạt trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Chuẩn đầu ra CTĐT

2.1.1. Chuẩn về kiến thức

PLO 1.1: Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

PLO 1.2: Hiểu, vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

PLO 1.3: Áp dụng được các kiến thức nền tảng về pháp luật, kinh tế, kế toán vào tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

PLO 1.4: Vận dụng được các kiến thức lý luận và thực tiễn về thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng, chứng khoán, thuế, tài chính doanh nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

PLO 1.5: Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt là chuyên ngành Tài chính ứng dụng như tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị đầu tư, phân tích và định giá tài sản tài chính, quản trị rủi ro, chứng khoán phái sinh... để luận giải, phân tích, đánh giá và hoạch định các quyết định tài chính – đầu tư một cách hiệu quả, phù hợp với bối cảnh thị trường thực tiễn.

2.1.2. Chuẩn về kỹ năng

PLO 2.1: Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO 2.2: Có kỹ năng tổng hợp, tính toán, ứng dụng công nghệ, dữ liệu lớn, AI để phân tích và ra các quyết định trong phạm vi hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp, tài chính số; năng lực nghiên cứu khoa học sáng tạo; khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau.

2.1.3. Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

PLO 3.1: Thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.

PLO 3.2: Năng lực làm việc độc lập và tinh thần chịu trách nhiệm đối với hoạt động chuyên môn.

2.2. Tiêu chí đánh giá (Ma trận PI)

CĐR của CTĐT (PLO)	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
PLO 1.1: Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	PI 1.1.1	Trình bày được phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng HCM, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
	PI 1.1.2	Hiểu về thể chế Nhà nước; trình bày được quy trình xây dựng và thực thi chính sách. Phân tích được tình huống tác động của chính sách tới tình hình kinh tế xã hội tại Việt Nam.
PLO 1.2: Hiểu, vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê, kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	PI 1.2.1	Nắm vững kiến thức toán, thống kê, phương pháp nghiên cứu, vận dụng vào giải bài toán kinh tế, tìm điểm tối ưu trong kinh doanh.
	PI 1.2.2	Nắm vững nguyên lý của kinh tế học, lý thuyết về kinh tế thị trường, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Phân tích, bình luận được các tình huống kinh tế - xã hội.
PLO 1.3: Áp dụng được các kiến thức nền tảng về pháp luật, kinh tế, kế toán vào tổ chức thực hiện trong thực tiễn.	PI 1.3.1	Nắm vững, liên hệ và áp dụng được kiến thức về nguyên lý kế toán trong hoạt động của các tổ chức kinh tế.
	PI 1.3.2	Nắm vững và vận dụng được các quy định về pháp luật, các vấn đề về chính sách trong tài chính - ngân hàng và các lĩnh vực khác của nền kinh tế.
PLO 1.4: Vận dụng được các kiến thức lý luận và thực tiễn về thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng, chứng khoán, thuế, tài chính doanh nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	PI 1.4.1	Nắm vững nguyên lý hoạt động của thị trường tài chính, tiền tệ; diễn giải, phân tích được các vấn đề về tài chính, tiền tệ, lãi suất, tín dụng; hoạt động của thị trường tài chính và các định chế tài chính trung gian.
	PI 1.4.2	Nắm vững kiến thức về chứng khoán, ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề

CĐR của CTĐT (PLO)	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
		trong thực tiễn.
PLO 1.5: Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt là chuyên ngành Tài chính ứng dụng như tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị đầu tư, phân tích và định giá tài sản tài chính, quản trị rủi ro, chứng khoán phái sinh... để luận giải, phân tích, đánh giá và hoạch định các quyết định tài chính – đầu tư một cách hiệu quả, phù hợp với bối cảnh thị trường thực tiễn.	PI 1.5.1	Nắm vững hệ thống kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro; vận dụng được các kiến thức này trong giải quyết và đánh giá các vấn đề thực tiễn.
	PI 1.5.2	Nắm vững hệ thống kiến thức chuyên sâu về đầu tư tài chính; vận dụng, phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định về đầu tư tài sản tài chính và tài sản phi tài chính.
PLO 2.1: Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	PI 2.1.1	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu công việc
	PI 2.1.2	Sử dụng tin học một cách hiệu quả để xử lý dữ liệu và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
PLO 2.2: Có kỹ năng tổng hợp, tính toán, ứng dụng công nghệ, dữ liệu lớn, AI để phân tích và ra các quyết định trong phạm vi hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp, tài chính số; năng lực nghiên cứu khoa học sáng tạo; khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau.	PI 2.2.1	Sử dụng các công cụ để tổng hợp, tính toán và phân tích dữ liệu lớn để phục vụ quá trình phân tích và ra các quyết định trong phạm vi hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp, tài chính.
	PI 2.2.2	Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau.
PLO 3.1: Thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát	PI 3.1.1	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

CĐR của CTĐT (PLO)	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
triển năng lực cá nhân.	PI 3.1.2	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
PLO 3.2: Năng lực làm việc độc lập và tinh thần chịu trách nhiệm đối với hoạt động chuyên môn.	PI 3.2.1	Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.
	PI 3.2.2	Làm việc độc lập trong các môi trường khác nhau.

3. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và CDR của CTĐT

Ký hiệu CDR	Mục tiêu CTĐT			
	PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4
PLO 1.1	X			
PLO 1.2		X		
PLO 1.3		X		
PLO 1.4			X	
PLO 1.5			X	
PLO 2.1				X
PLO 2.2				X
PLO 3.1				X
PLO 3.2				X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 3.1	PLO 3.2
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			37									
1	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2							X	X
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3		2	3				X	X	X
3	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3		2	3				X	X	X
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2							X	X
5	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3			3					X	X
6	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			2	2			X	X	X
7	TOĐC06	Tin học đại cương	3			2				X	X	X
8	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2							X	X
9	THML04	Triết học Mác Lênin	3	2							X	X
10	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2							X	X
11	TCKN01	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp	2								X	X
12	TACB1	Tiếng anh cơ bản 1*	3						X		X	X
13	TACB2	Tiếng anh cơ bản 2	3						X		X	X
14	TACB3	Tiếng anh cơ bản 3	3						X		X	X
15	TACB4	Tiếng anh cơ bản 4	3						X		X	X
16	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2								X	X
17	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2								X	X
18	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2								X	X
19	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8								X	X
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			89									
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			31									

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 3.1	PLO 3.2
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			22									
1	TCTT24	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	4			3	4			x	x	x
2	MATH01	Cơ sở toán học cho kinh tế	4		3					x	x	x
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3		2	3	3			x	x	x
4	CSCS11	Chính sách công	3	3		4				x	x	x
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3			4					x	x
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3			3	4			x	x	x
7	TCCD01	Chuyên đề thực tế 1	2		2	3	4			x	x	x
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			9									
1	TOKT05	Kinh tế lượng	3		3					x	x	x
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3			3	3				x	x
3	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3		2	4				x	x	x
4	QTMC02	Marketing căn bản	3			3					x	x
5	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3		2	4				x	x	x
6	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3		2	4					x	x
2.2. Kiến thức ngành			27									
2.2.1. Ngành bắt buộc			18									
1	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3		3	3	4		x	x	x	x
2	TCPT24	Phân tích tài chính doanh nghiệp	4		3	3	5			x	x	x
3	TCDL01	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu	3		4	3	5			x	x	x
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3		3	3	5	4		x	x	x
5	TCĐT24	Quản trị đầu tư	3		2	4	4			x	x	x

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 3.1	PLO 3.2
6	TCCD02	Chuyên đề thực tế 2	2		3	4	4			x	x	x
2.2.2. Ngành lựa chọn			9									
1	TCKH04	Kế toán tài chính	3		2	4	4			x	x	x
2	TCDL02	Blockchain và Công nghệ tài chính	3		2	3	5			x	x	x
3	TCTH11	Thuế	3			3	4			x	x	x
4	TCIB24	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	3		2	3	5			x	x	x
5	TCKN02	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp	3			3	4	5		x	x	x
2.3. Kiến thức chuyên ngành			21									
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			12									
1	TCRR26	Quản trị rủi ro (Risk Management)	3		2	3	4	5	x	x	x	x
2	TCDN22	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3		2	3	4	5		x	x	x
3	ĐTPS01	Chứng khoán phái sinh	3			3	4	5		x	x	x
4	TCĐG01	Định giá tài sản	3			3	4	4		x	x	x
2.3.2. Chuyên ngành lựa chọn			9									
1	TCHV27	Tài chính hành vi (Behavioral Finance)	3			3	4	5	x	x	x	x
2	TCFI28	Chứng khoán có thu nhập cố định	3			3	4	5		x	x	x
3	TCDL03	Quản trị dữ liệu tài chính ngân hàng với SQL	3		3	3	4	4		x	x	x
4	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	3		3	3	4	5		x	x	x
5	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3		2	3	4			x	x	x
6	TCQT12	Tài chính quốc tế				3	4	5		x	x	x

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 3.1	PLO 3.2
2.4. Thực tập và tốt nghiệp			10									
1	TTNTC	Thực tập tốt nghiệp	4			3	4	5		x	x	x
2	KLTNTC	Khóa luận tốt nghiệp	6			3	4	5		x	x	x

Ghi chú:

() Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.*

Học phần có tên Tiếng Anh: Học phần sẽ được kết hợp đào tạo song ngữ Anh – Việt.

- 5. Thời gian đào tạo:** 3,5 năm
- 6. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 126 tín chỉ
- 7. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
- 9. Thang điểm:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

10. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	37	14	29,4%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	28	70,6%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	31	10	24,6%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	22	7	17,5%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	7,1%
2.2. Kiến thức ngành	27	9	21,4%
2.2.1. Ngành bắt buộc	18	5	14,3%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	4	7,2%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	21	7	16,7%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	12	4	9,5%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	7,2%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7,9%
2.4.1. Thực tập tốt nghiệp	4	1	3,2%
2.4.2. Khóa luận tốt nghiệp	6	1	4,8%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	126	42	100,0%

11. Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
I	Giáo dục đại cương		37	
1	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
3	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3
5	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
6	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
7	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
8	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
9	THML04	Triết học Mác Lênin	3	1
10	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3
11	TCKN01	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp	2	4
12	TACB1	Tiếng Anh Cơ bản 1*	3	1
13	TACB2	Tiếng Anh Cơ bản 2	3	1
14	TACB3	Tiếng Anh Cơ bản 3	3	2
15	TACB4	Tiếng Anh Cơ bản 4	3	3
II	Giáo dục quốc phòng		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
III	Giáo dục thể chất		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
IV	Cở sở ngành (Bắt buộc)		22	
1	TCTT24	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	4	3
2	MATH01	Cơ sở toán học cho kinh tế	4	1
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
4	CSCS11	Chính sách công	3	4
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
7	TCCD01	Chuyên đề thực tế 1	2	4
V	Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	TOKT05	Kinh tế lượng	3	2
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	3
3	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	4
4	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
5	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	3
6	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	3
VI	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		18	
1	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	4
2	TCPT24	Phân tích tài chính doanh nghiệp	4	5
3	TCDL01	Phân tích và Trục quan hóa Dữ liệu	3	5
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
5	TCĐT24	Quản trị đầu tư	3	4
6	TCCD02	Chuyên đề thực tế 2	2	6
VII	Kiến thức ngành (Lựa chọn 12 tín chỉ)		9	
1	TCKH04	Kế toán tài chính	3	5
2	TCDL02	Blockchain và Công nghệ tài chính	3	5
3	TCTH11	Thuế	3	5
4	TCIB24	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	3	4
5	TCKN02	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp	3	4
VIII	Chuyên ngành (Bắt buộc)		12	
1	TCRR26	Quản trị rủi ro (<i>Risk Management</i>)	3	6
2	TCDN22	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	6
3	ĐTPS01	Chứng khoán phái sinh	3	6
4	TCĐG01	Định giá tài sản	3	6
IX	Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	TCHV27	Tài chính hành vi	3	6

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
		<i>(Behavioral Finance)</i>		
2	TCFI28	Chứng khoán có thu nhập cố định	3	6
3	TCDL03	Quản trị dữ liệu tài chính ngân hàng với SQL	3	6
4	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	3	6
5	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
6	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
X	Thực tập và tốt nghiệp		10	
1	TTNTC	Thực tập tốt nghiệp	4	7
2	KLTNTC	Khóa luận tốt nghiệp	6	7
TỔNG SỐ			126	

Ghi chú:

() Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

Học phần có tên Tiếng Anh: Học phần sẽ được kết hợp đào tạo song ngữ Anh – Việt

12. Đối sánh CTĐT khác

Mã HP	Tên học phần	UEB	AOF	AOB	TMU	Indiana
THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	X	X	X	X	O
KHMI01	Kinh tế vi mô 1	X	X	X	X	C
KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	X	X	X	X	C
THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X	X	X	X	O
LUĐC01	Pháp luật đại cương	X	X	X	X	C
PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	C	O	O	O	O
TOĐC06	Tin học đại cương	X	X	X	X	O
THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X	X	O
THML04	Triết học Mác Lênin	X	X	X	X	O
THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X	X	O
TCKN01	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp	C	C	C	C	C
TAA201	English A2	C	C	C	C	C
TAB101	English B1.1	C	C	C	C	C
TAB102	English B1.2	C	C	C	C	C
TAB201	<i>English B2.1*</i>	C	C	C	C	C
<i>GDQP02</i>	<i>Giáo dục quốc phòng*</i>	X	X	X	X	O
<i>GDTC08</i>	<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	C	C	C	C	C
<i>GDTC06</i>	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	C	C	C	C	C
<i>GDTC07</i>	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	C	C	C	C	C
TCTT24	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	C	X	X	C	O
TO	Cơ sở toán học cho kinh tế	C	C	C	C	C
TOKT05	Kinh tế lượng	X	X	X	X	C
CSCS11	Chính sách công	O	O	O	O	O
TCKT01	Nguyên lý kế toán	X	X	X	X	C
TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	X	X	X	X	C
TCCD01	Chuyên đề thực tế 1	C	C	C	C	C
TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	C	C	C	C	C
LUKT02	Pháp luật kinh tế	X	X	X	X	C
KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	O	X	X	O	C

Mã HP	Tên học phần	UEB	AOF	AOB	TMU	Indiana
QTMC02	Marketing căn bản	X	X	X	X	O
ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	O	O	O	O	C
KHĐT05	Kinh tế đầu tư	O	O	O	O	C
TCCK25	Thị trường chứng khoán	X	X	X	X	C
TCPT24	Phân tích tài chính doanh nghiệp	C	C	C	C	C
TCDL01	Phân tích và Trục quan hóa Dữ liệu trong tài chính ngân hàng	C	O	O	O	C
TCĐT24	Quản trị đầu tư	C	C	C	C	C
TCCD02	Chuyên đề thực tế 2	C	O	O	O	O
TCKH04	Kế toán tài chính	X	X	X	X	X
TCDL02	Blockchain và công nghệ tài chính	C	O	O	O	C
NHTM02	Ngân hàng thương mại	X	X	X	X	C
TCTH11	Thuế	X	X	X	X	O
TCIB24	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	C	O	O	O	C
TCKN02	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp	C	C	C	C	C
TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	C	C	C	C	C
TCRR26	Quản trị rủi ro (<i>Risk Management</i>)	X	X	X	X	C
TCDN22	Quản trị tài chính doanh nghiệp	C	C	C	C	C
ĐTSP01	Chứng khoán phái sinh	C	X	X	X	O
TCĐG01	Định giá tài sản	O	X	O	X	O
TCHV27	Tài chính hành vi (<i>Behavioral Finance</i>)	O	O	O	O	C
TCFI28	Chứng khoán có thu nhập cố định	X	C	C	C	X
TCDL03	Quản trị dữ liệu tài chính ngân hàng với SQL	O	O	O	O	O
ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	C	O	O	O	O
TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	O	X	O	O	O
TCQT12	Tài chính quốc tế	X	X	X	X	C
TTNTC	Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X
KLTNTC	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X

Ghi chú:

() Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

Học phần có tên Tiếng Anh: Học phần sẽ được kết hợp đào tạo song ngữ Anh – Việt

- *UEB: Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội*
- *TMU: Chương trình đào tạo tài chính - ngân hàng (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOP)*
- *AOF: Chương trình đào tạo chất lượng cao tài chính – ngân hàng (Chương trình đào tạo định hướng chứng chỉ quốc tế)*
- *AOB: Chương trình chất lượng cao chuyên ngành tài chính, Học viện Ngân hàng*
- *Indiana US: chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Tài chính, Đại học Indiana University Bloomington, US*
- *C: Học phần có nội dung gần*
- *X: Học phần có nội dung tương thích*
- *O: Không có nội dung tương tự*

TRƯỞNG KHOA

TS. Phạm Mỹ Hằng Phương